



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

C12/21 QL1A, TânKiên, BìnhChánh ,Tp.HCM.

Tel: 848 - 37560110 – 37561191 Fax: 848 – 38770278

Email: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	01 - 02
2. Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2017	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến cuối Quý 1 năm 2017	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017	05 – 30



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.842.632.673.853	1.694.385.120.628
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	39.234.706.405	275.038.871.574
111	1. Tiền		39.234.706.405	275.038.871.574
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		489.420.168.373	403.007.456.048
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	374.093.122.797	264.936.988.222
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	60.545.912.103	83.441.911.133
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	57.097.852.468	56.945.275.688
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(2.316.718.995)	(2.316.718.995)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.306.299.301.821	979.222.979.136
141	1. Hàng tồn kho		1.306.299.301.821	979.222.979.136
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.678.497.254	37.115.813.870
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.627.029.734	36.661.438.189
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	51.467.520	454.375.681
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		504.561.985.031	508.818.017.133
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.032.315.546	4.032.315.546
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	4.032.315.546	4.032.315.546
220	II. Tài sản cố định		362.577.624.511	368.059.804.511
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	137.092.941.100	141.607.574.100
222	- Nguyên giá		272.925.844.906	275.120.294.572
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(135.832.903.806)	(133.512.720.472)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	24.200.821.721	25.157.137.721
225	- Nguyên giá		37.817.079.422	37.817.079.422
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.616.257.701)	(12.659.941.701)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	201.283.861.690	201.295.092.690
228	- Nguyên giá		201.864.934.308	201.864.934.308
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(581.072.618)	(569.841.618)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		13.502.745.339	12.276.597.441
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	13.502.745.339	12.276.597.441
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	124.449.299.635	124.449.299.635
251	1. Đầu tư vào công ty con		115.937.211.500	115.937.211.500
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.661.918.871	11.661.918.871
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.149.830.736)	(3.149.830.736)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.347.194.658.884	2.203.203.137.761

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.535.214.952.441	1.436.234.988.037
310	I. Nợ ngắn hạn		1.529.223.429.372	1.430.243.464.968
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	116.564.230.126	152.231.183.191
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.030.508.100	7.735.848.750
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	120.297.183.590	130.517.240.613
314	4. Phải trả người lao động	V.15	9.247.687.943	13.145.698.265
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	44.224.633.870	73.414.870.843
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	20.465.704.656	15.917.932.782
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	1.216.991.157.766	1.036.603.585.386
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	402.323.321	677.105.138
330	II. Nợ dài hạn		5.991.523.069	5.991.523.069
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	5.991.523.069	5.991.523.069
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		811.979.706.443	766.968.149.724
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	811.979.706.443	766.968.149.724
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		51.552.084.653	51.552.084.653
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.145.220.457	10.145.220.457
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		178.602.471.333	133.590.914.614
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		130.590.914.614	16.272.459.776
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		48.011.556.719	117.318.454.838
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.347.194.658.884	2.203.203.137.761

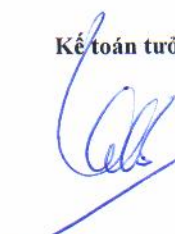
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2017

ĐVT: VND

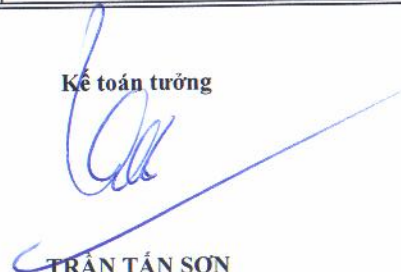
Mã Số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	738.429.456.962	580.514.671.525	738.429.456.962	580.514.671.525
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	3.556.000.000	1.757.000.000	3.556.000.000	1.757.000.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		734.873.456.962	578.757.671.525	734.873.456.962	578.757.671.525
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	620.817.874.697	502.592.033.701	620.817.874.697	502.592.033.701
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		114.055.582.265	76.165.637.824	114.055.582.265	76.165.637.824
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	986.124.640	562.231.498	986.124.640	562.231.498
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	13.518.404.795	12.522.456.907	13.518.404.795	12.522.456.907
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.510.080.412	12.240.531.752	13.510.080.412	12.240.531.752
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	29.220.186.491	24.515.770.813	29.220.186.491	24.515.770.813
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	12.712.708.383	11.195.609.007	12.712.708.383	11.195.609.007
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.590.407.236	28.494.032.595	59.590.407.236	28.494.032.595
31	11. Thu nhập khác	VI.8	426.205.010	1.851.035.764	426.205.010	1.851.035.764
32	12. Chi phí khác	VI.9	2.166.347	2.683.859	2.166.347	2.683.859
40	13. Lợi nhuận khác		424.038.663	1.848.351.905	424.038.663	1.848.351.905
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.014.445.899	30.342.384.500	60.014.445.899	30.342.384.500
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		12.002.889.180	6.068.476.900	12.002.889.180	6.068.476.900
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		48.011.556.719	24.273.907.600	48.011.556.719	24.273.907.600

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1_2017	Quý 1_2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		60.014.445.899	30.342.384.500
	2. Điều chỉnh các khoản		18.915.144.640	18.269.382.752
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		6.322.180.000	6.028.851.000
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(917.115.772)	-
06	- Chi phí lãi vay		13.510.080.412	12.240.531.752
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.929.590.539	48.611.767.252
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(56.581.574.336)	5.417.121.510
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(327.076.322.685)	(43.726.140.568)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(71.767.989.300)	63.974.522.187
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	15.963.760
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.510.080.412)	(12.240.531.752)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.367.726.039)	(14.092.622.760)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.274.781.817)	(10.606.646.251)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(414.648.884.050)	37.353.433.377
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.066.147.898)	(18.174.980.347)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		523.294.399	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.542.853.499)	(18.174.980.347)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		831.878.096.168	492.571.942.920
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(650.108.634.026)	(689.791.823.721)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.381.889.762)	(1.613.767.322)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		180.387.572.380	(198.833.648.123)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(235.804.165.169)	(179.655.195.093)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		275.038.871.574	313.058.830.965
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	39.234.706.405	133.403.635.872

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám Đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Quý 1 năm 2017 tăng 97,79% so với lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2016 nguyên nhân chủ yếu là do Doanh thu Quý 1 năm 2017 tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời Công ty cũng tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất đã làm cho giá vốn hàng bán giảm.

6. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%
2.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

Stt	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.	- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 547 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 557 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính này chỉ lập riêng cho công ty mẹ cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31/03/2017.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không khấu tính hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Hàng hóa, thành phẩm của công ty là phân bón nguyên liệu và thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được xác định với tỷ lệ 1,3% trên doanh thu bán ra sản phẩm thương hiệu đầu trâu của các công ty con.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.710 VNĐ/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.710 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.780 VNĐ/USD.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.074.923.771	1.026.901.403
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.159.782.634	274.011.970.171
Cộng	<u>39.234.706.405</u>	<u>275.038.871.574</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	49.909.334.251	52.854.500.098
Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	49.909.334.251	48.812.000.098
Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	-	4.042.500.000
Phải thu các khách hàng khác	324.183.788.546	212.082.488.124
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	92.064.969.952	75.881.900.393
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuần Vũ	39.887.966.600	10.642.565.400
Công ty TNHH TM Thịnh Thành Đắc Lắc	37.532.239.778	13.373.107.778
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	46.279.136.950	16.257.899.650
Các khách hàng khác	108.419.475.266	95.927.014.903
Cộng	<u>374.093.122.797</u>	<u>264.936.988.222</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	60.545.912.103	83.441.911.133
Công ty TNHH Young Inh	37.422.391.256	75.015.463.822
Công ty TNHH Tư vấn & Đầu tư Trung Việt	3.073.775.200	2.305.331.400
Công ty CP TM& DV Du Lịch Hương Nam Việt	5.930.414.791	-
Các nhà cung cấp khác	14.119.330.856	6.121.115.911
Cộng	<u>60.545.912.103</u>	<u>83.441.911.133</u>

4. Phải thu khác ngắn hạn/dài hạn**4.a Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	41.758.838.841	-	41.576.697.741	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong	12.249.174.522	-	12.249.174.522	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	4.548.747.759	-	4.548.747.759	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	9.023.844.350	-	9.023.844.350	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	11.979.569.665	-	12.017.428.565	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Thê Thao Bình Điền Long An	220.000.000			
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.339.013.627	-	15.368.577.947	-
- Tạm ứng của nhân viên công ty	7.616.597.935	-	6.714.609.962	-
- Các khoản phải thu khác	7.722.415.692	-	8.653.967.985	-
Cộng	57.097.852.468	-	56.945.275.688	-

4.b Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
Cộng	4.032.315.546	-	4.032.315.546	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý 1 năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.316.718.995)	(2.370.775.906)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(266.366.608)
Hoàn nhập dự phòng	-	320.423.519
Số cuối năm	(2.316.718.995)	(2.316.718.995)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.078.191.560.559	-	778.694.492.822	-
Công cụ, dụng cụ	25.807.200	-	25.807.200	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.501.871.310	-	27.148.796.480	-
Thành phẩm	201.258.801.348	-	170.032.621.230	-
Hàng hóa	3.321.261.404	-	3.321.261.404	-
Cộng	1.306.299.301.821	-	979.222.979.136	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	161.158.484.694	85.364.531.474	26.186.973.860	2.410.304.544	275.120.294.572
Tăng trong năm	-	840.000.000	-	-	840.000.000
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do mua mới		840.000.000			840.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	3.034.449.666
Số cuối năm	161.158.484.694	83.490.081.808	25.866.973.860	2.410.304.544	272.925.844.906
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	565.091.818	11.089.880.802	3.819.000.000	1.227.869.268	16.701.841.888
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	58.099.617.835	56.486.334.783	17.364.470.553	1.562.297.301	133.512.720.472
Khấu hao trong năm	2.711.390.448	2.257.024.882	306.552.360	79.665.310	5.354.633.000
Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	0	3.034.449.666
Số cuối năm	60.811.008.283	56.028.909.999	17.351.022.913	1.641.962.611	135.832.903.806
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	103.058.866.859	28.878.196.691	8.822.503.307	848.007.243	141.607.574.100
Số cuối năm	100.347.476.411	33.730.071.141	9.155.950.947	768.341.933	137.092.941.100

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
Thuê trong năm	-	-	-
Số cuối năm	36.800.653.967	1.016.425.455	37.817.079.422
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	12.344.869.694	315.072.007	12.659.941.701
Khấu hao trong năm	920.016.000	36.300.000	956.316.000
Số cuối năm	13.264.885.694	351.372.007	13.616.257.701
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.310.580.633	701.353.448	25.157.137.721
Số cuối năm	23.390.564.633	665.053.448	24.200.821.721

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài^(*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.311.157.308	553.777.000	201.864.934.308
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	201.311.157.308	553.777.000	201.864.934.308
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	65.000.000	65.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	222.000.000	347.841.618	569.841.618
Khấu hao trong năm	0	11.231.000	11.231.000
Số cuối năm	222.000.000	359.072.618	581.072.618
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	201.089.157.308	205.935.382	201.295.092.690
Số cuối năm	201.089.157.308	194.704.382	201.283.861.690

(*)Quyền sử dụng đất lâu dài của công ty tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất số T00080/QSDD/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-				
Xây dựng cơ bản dở dang	12.276.597.441	292.533.353			12.569.130.794
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394				8.439.332.394
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	299.049.921	132.380.353			431.430.274
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.581.820.931	152.153.000			2.733.973.931
- Các công trình khác	956.394.195	8.000.000			964.394.195
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	933.614.545			933.614.545
Cộng	12.276.597.441	1.226.147.898			13.502.745.339

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
Cộng	127.599.130.371	124.449.299.635	(3.149.830.736)	127.599.130.371	124.449.299.635	(3.149.830.736)

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101383456 lần đầu ngày 17/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800606078 cấp lần đầu ngày 02/01/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp với số vốn điều lệ 59.019.840.000 đồng.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000350 cấp lần đầu ngày 03/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000160 cấp lần đầu ngày 31/10/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700664419 lần đầu ngày 11/01/2013, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 21/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình với vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.
- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.149.830.736)	(3.565.113.571)
Hoàn nhập dự phòng	-	415.282.835
Số cuối kỳ	(3.149.830.736)	(3.149.830.736)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Q1 2017</u>	<u>Q1 2016</u>
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An		
<i>Công ty con cung cấp dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu cho Công ty mẹ</i>	2.800.000.000	2.200.000.000
<i>Công ty Mẹ bán tài sản cố định</i>	200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng		
<i>Công ty Mẹ bán nguyên liệu phân bón</i>	3.927.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong		
<i>Công ty Mẹ bán hàng, gia công</i>	12.892.927.058	6.535.520.000
<i>Công ty Mẹ mua nguyên liệu</i>	10.971.040.000	
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị		
<i>Công ty Mẹ bán hàng, gia công</i>	-	27.490.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình		
<i>Công ty mẹ bán hàng cho công ty con</i>	3.900.000.000	4.418.080.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.701.160.000	1.702.640.000
- Công ty TNHH MTV Thể Thao Bình Điền Long An	1.100.000.000	1.540.000.000
- Công ty Cổ phần Bình Điền MêKong	601.160.000	162.640.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	114.863.070.126	150.528.543.191
- Công Ty Cổ Phần Nông Sản Long Hải	6.613.306.000	21.015.517.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	-	41.721.702.200
- Công ty Cổ phần Hữu Cơ	-	27.004.028.884
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	3.897.229.309	3.897.229.309
- Công ty Cổ phần Dap-Vinachem	-	1.194.011.000
- Công ty Cổ phần Vinacam	65.484.640.000	7.946.352.000
- Các nhà cung cấp khác	38.867.894.817	47.749.702.298
Cộng	<u>116.564.230.126</u>	<u>152.231.183.191</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.030.508.100	7.735.848.750
- DNTN Hưng Thạnh	-	5.005.626.000
- Công ty Cổ phần TM Tổng hợp Kon Tum	-	1.008.420.000
- Các khách hàng khác	1.030.508.100	1.721.802.750
Cộng	<u>1.030.508.100</u>	<u>7.735.848.750</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.740.001	454.375.681	555.416.750	(186.900.653)	833.455	34.953.038
- Thuế nhập khẩu	-	-	5.465.054.568	(5.465.054.568)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.857.802.609	-	12.002.889.180	(21.367.726.039)	5.492.965.750	-
- Thuế thu nhập cá nhân	920.077.348	-	751.778.798	(1.572.606.898)	115.763.730	16.514.482
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	-	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
Cộng	<u>130.517.240.613</u>	<u>454.375.681</u>	<u>18.779.139.296</u>	<u>(28.588.288.158)</u>	<u>120.297.183.590</u>	<u>51.467.520</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Mặt hàng phân bón không chịu thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.014.445.899	30.342.384.500
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Cổ tức nhận được		
+ Khác		
Thu nhập tính thuế	60.014.445.899	30.342.384.500
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.002.889.180	6.068.476.900
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>48.011.556.719</u>	<u>6.068.476.900</u>

15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí phù hợp với doanh thu trong năm.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	3.620.439.000	29.655.705.000
- Trích trước chi phí khuyến mãi	29.780.257.000	29.780.257.000
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	3.086.000.000	6.667.519.000
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	6.076.746.364	2.326.746.364
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.661.191.506	4.984.643.479
Cộng	<u>44.224.633.870</u>	<u>73.414.870.843</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	20.465.704.656	15.917.932.782
Cộng	<u>20.465.704.656</u>	<u>15.917.932.782</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.213.296.921.242	1.213.296.921.242	1.031.527.459.100	1.031.527.459.100
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây ⁽¹⁾	6.171.804.777	6.171.804.777	6.171.804.777	6.171.804.777
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM ⁽²⁾	379.576.669.381	379.576.669.381	288.210.573.853	288.210.573.853
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ⁽³⁾	51.350.266.816	51.350.266.816	54.120.133.015	54.120.133.015
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM ⁽⁴⁾	44.123.379.330	44.123.379.330	44.123.379.330	44.123.379.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi ⁽⁵⁾	35.896.781.000	35.896.781.000	52.703.256.000	52.703.256.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé ⁽⁶⁾	97.316.412.815	97.316.412.815	105.147.277.815	105.147.277.815
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽⁷⁾	419.732.018.446	419.732.018.446	320.524.433.186	320.524.433.186
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận ⁽⁸⁾	18.201.928.308	18.201.928.308	18.201.928.308	18.201.928.308
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽⁹⁾	56.175.000.998	56.175.000.998	72.617.572.394	72.617.572.394
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM ⁽¹⁰⁾	37.422.391.256	37.422.391.256	47.555.197.660	47.555.197.660
- Vay nhân viên công ty ⁽¹¹⁾	22.677.364.435	22.677.364.435	22.151.902.762	22.151.902.762
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM	44.652.903.680	44.652.903.680	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	3.694.236.524	3.694.236.524	5.076.126.286	5.076.126.286
Cộng	1.216.991.157.766	1.216.991.157.766	1.036.603.585.386	1.036.603.585.386

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh/ Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.009.375.556.338	831.352.634.495	(650.108.634.026)	1.190.619.556.807
Vay ngắn hạn các cá nhân	22.151.902.762	525.461.673	-	22.677.364.435
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.076.126.286		(1.381.889.762)	3.694.236.524
Cộng	1.036.603.585.386	831.878.096.168	(651.490.523.788)	1.216.991.157.766

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

18.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ⁽¹⁾	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam ⁽²⁾	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107
Cộng	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069	5.991.523.069

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

(2) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	5.991.523.069	5.991.523.069
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.991.523.069	5.991.523.069

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả/Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	5.991.523.069	-	-	5.991.523.069
Cộng	5.991.523.069	-	-	5.991.523.069

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	677.105.138	3.000.000.000	3.274.781.817	402.323.321
Cộng	677.105.138	3.000.000.000	3.274.781.817	402.323.321

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ đã góp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1 năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	476.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	95.279.930.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	-	(250.789.745.800)

20d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/Cp	10.000/Cp

20e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

20f. Phân phối lợi nhuận

- Trong kỳ Công ty chỉ tạm thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

• Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	3.000.000.000
Trong đó:		
Số tạm trích từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 là	:	3.000.000.000

- Phân phối lợi nhuận năm 2016 sẽ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	66.143,56	2.128.557,20
Euro (EUR)	72,80	72,80

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	738.429.456.962	580.514.671.525
Cộng	<u>738.429.456.962</u>	<u>580.514.671.525</u>

1b. Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ Công ty chỉ có phát sinh Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con chi tiết như sau:

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	3.900.000.000	4.418.080.000
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	12.892.927.058	6.535.520.000
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	3.927.000.000	-
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	-	27.490.000
Cộng	<u>20.719.927.058</u>	<u>10.981.090.000</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại	3.556.000.000	1.757.000.000
Cộng	<u>3.556.000.000</u>	<u>1.757.000.000</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	620.817.874.697	502.592.033.701
Cộng	<u>620.817.874.697</u>	<u>502.592.033.701</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Doanh thu từ hoạt động tài chính	986.124.640	562.231.498
Cộng	<u>986.124.640</u>	<u>562.231.498</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá	13.518.404.795	12.522.456.907
Cộng	<u>13.518.404.795</u>	<u>12.522.456.907</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài khác	29.220.186.491	24.515.770.813
Cộng	<u>29.220.186.491</u>	<u>24.515.770.813</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chi phí nhân viên quản lý, dịch vụ mua ngoài khác	12.712.708.383	11.195.609.007
Cộng	<u>12.712.708.383</u>	<u>11.195.609.007</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Thu nhập khác	426.205.010	1.851.035.764
Cộng	<u>426.205.010</u>	<u>1.851.035.764</u>

9. Chi phí khác

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chi phí khác	2.166.347	2.683.859
Cộng	<u>2.166.347</u>	<u>2.683.859</u>

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Công ty có đầu tư vào các Công ty con, nên đây là báo cáo riêng của Công ty mẹ. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thì lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu không trình bày và tính trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ, mà sẽ được tính và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	565.605.634.961	524.682.696.312
- Chi phí nhân công	26.986.088.158	15.451.273.100
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.322.180.000	6.028.851.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	59.817.493.683	59.058.821.975
Cộng	<u>658.731.396.802</u>	<u>605.221.642.387</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	831.878.096.168	492.571.942.920.
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>831.878.096.168</u>	<u>492.571.942.920</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	650.108.634.026	689.791.823.721
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>650.108.634.026</u>	<u>689.791.823.721</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

Thu nhập bằng tiền

	<u>Q1_2017</u>	<u>Q1_2016</u>
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.025.480.625	2.009.855.000
Cộng	<u>1.025.480.625</u>	<u>2.009.855.000</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

- Số dư với các thành viên quản lý

Không phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Mekong	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
- Công ty Cp Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)

- Giao dịch với các bên liên quan khác

- Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11.

- Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải không phải là công ty con: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Công ty mẹ 65,00%), trong Quý 1_2017 không phát sinh.

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4, V.12.

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh phân bón;
- Các lĩnh vực khác.

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Quý 1 Năm 2017	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	603.583.541.960	131.289.915.002	734.873.456.962
Giá vốn hàng bán	502.576.135.963	118.241.738.734	620.817.874.697
Lợi nhuận gộp	101.007.405.997	13.048.176.268	114.055.582.265
Quý 1 Năm 2016	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	526.176.838.275	52.580.833.250	578.757.671.525
Giá vốn hàng bán	456.930.940.610	45.661.093.091	502.592.033.701
Lợi nhuận gộp	69.245.897.665	6.919.740.159	76.165.637.824

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2017.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng(tiếp theo)

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý 1 năm 2017 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc Quý 1 năm tài chính 2017.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1. Số dư đầu năm trước	476.400.000.000	6.746.801.918	82.306.561.790	27.342.989.573	219.563.782.520	812.360.135.801
2. Tăng trong năm trước	95.279.930.000	-	30.435.661.372	10.145.220.457	231.654.440.838	367.515.252.667
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	231.654.440.838	231.654.440.838
- Tăng vốn	95.279.930.000	-	-	-	-	-
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	30.435.661.372	10.145.220.457	-	40.580.881.829
3. Giảm trong năm trước	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	317.627.308.744	412.907.238.744
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	317.627.308.744	317.627.308.744
- Giảm khác	-	6.746.801.918	61.190.138.509	27.342.989.573	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	571.679.930.000	-	51.552.084.653	10.145.220.457	133.590.914.614	766.968.149.724
5. Tăng trong năm nay	-	-	-	-	48.011.556.719	48.011.556.719
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	48.011.556.719	48.011.556.719
- Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối năm nay	571.679.930.000	-	51.552.084.653	10.145.220.457	178.602.471.333	811.979.706.443

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG